

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 250/QĐ-HVPNVN, ngày 28 tháng 5 năm 2020
của Giám đốc Học viện phụ nữ Việt Nam)*

Tên chương trình: Cử nhân kinh tế

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Kinh tế; Mã số: 7310101

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình được thiết kế đảm bảo cho sinh viên sau khi ra trường đạt được những mục tiêu sau:

Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt.

Có tư duy kinh tế và quản lý kinh tế cơ bản, tổng hợp thông qua việc nắm vững và có khả năng đáp ứng những vấn đề đặt ra trong bối cảnh đầu tư và kinh tế trong nước cũng như quốc tế có sự thay đổi không ngừng.

Có hiểu biết về chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực Kinh tế.

Có khả năng tham gia tạo lập, tổ chức, điều hành, phát triển thực tế hoạt động kinh tế trên cơ sở hệ thống lý luận và thực tiễn được trang bị.

Có tác phong và thái độ chuyên nghiệp, nhiệt tình trong công việc; có thể giới quan và tư tưởng chính trị đúng đắn; có ý thức tôn trọng và chấp hành nghiêm túc pháp luật nhà nước, đặc biệt chú trọng các vấn đề về bình đẳng giới trong kinh tế; được rèn luyện để có sức khỏe tốt, đạo đức nghề nghiệp chuẩn mực và quan hệ rộng mở.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Kiến thức

Nắm vững các kiến thức cơ bản, cơ sở và ngành Kinh tế, lựa chọn chuyên sâu 1 trong 2 lĩnh vực: Kinh tế đầu tư và Kinh tế quốc tế;

Hiểu biết về chính trị và giáo dục quốc phòng phù hợp với đường lối, chủ trương và chính sách của Đảng và Nhà nước;

Nắm vững những kiến thức cơ sở có đặc thù về giới trong mối quan hệ với kinh tế.

1.2.2. Về kỹ năng

Vận dụng được những kiến thức đã học vào giải quyết các hoạt động kinh tế.

Có khả năng giao tiếp, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề và ra quyết định kinh tế khoa học.

Có khả năng sử dụng tiếng Anh và tin học căn bản đối với công việc phù hợp.

1.2.3. Về thái độ

Đào tạo cử nhân Kinh tế có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, nắm vững được các nguyên lý của Chủ nghĩa Mác-Lênin và đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Yêu ngành, yêu nghề, có đạo đức, thái độ và văn hóa kinh tế hiện đại, phấn đấu bình đẳng giới.

1.2.4. Về vị trí làm việc sau tốt nghiệp

Với những kiến thức được trang bị một cách cơ bản và có tính đặc thù, sinh viên sau khi tốt nghiệp sẽ có nhiều lựa chọn và nhiều cơ hội để thử sức trong những lĩnh vực và ở các vị trí công việc khác nhau. Bao gồm: Nhóm công việc là chuyên viên phân tích, tư vấn về Kinh tế; Nhóm công việc là chuyên viên chuyên trách tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác.

1.2.5. Trình độ ngoại ngữ, tin học:

- Trình độ ngoại ngữ: Sử dụng thành thạo tiếng Anh bậc 3/6 theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ban hành ngày 24/01/2014;

- Trình độ tin học: Thành thạo các kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo Thông tư Số 03/2014/TT-BTTTT ban hành ngày 11/03/2014.

2. Chuẩn đầu ra (Theo văn bản kèm theo)

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá

Khối lượng kiến thức và thời gian đào tạo theo thiết kế: **120 tín chỉ** chưa kể phần nội dung về Ngoại ngữ (10 tín chỉ); Giáo dục Thể chất (3 tín chỉ) và Giáo dục Quốc phòng (8 tín chỉ).

4. Đối tượng tuyển sinh

- Các thí sinh đã tốt nghiệp Trung học phổ thông và tương đương
- Tuyển sinh theo qui định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và phương án tuyển sinh của Học viện Phụ nữ Việt Nam.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp theo Quy chế bàn hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về văn bản hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 về việc ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

6. Cách thức đánh giá

Thang điểm đánh giá kết quả học tập được thực hiện theo Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về văn bản hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 về việc ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. Chú trọng đánh giá phần kỹ năng ứng dụng, thực hành của sinh viên, có các hình thức đánh giá qua bài tập thực hành, qua trải nghiệm đối với nội dung và yêu cầu thích hợp; đối với các môn học chuyên ngành, giảm bớt cách đánh giá nặng nề về thi cử, giảm trọng số điểm thi học phần, tăng thời lượng các bài tập tự nghiên cứu.

7. Nội dung chương trình

TT	Mã học phần	Tên Học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương (28 tín chỉ)- không bao gồm Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và Ngoại ngữ)				
1.1. Lý luận chính trị (11 tín chỉ)				
1	DHCT13	Triết học Mác – Lênin	3TC	
2	DHCT14	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	3TC	
3	DHCT15	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2TC	
4	DHCT16	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2TC	
5	DHCT17	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2TC	
1.2. Khoa học xã hội (5 tín chỉ)				
6	DHPL01	Pháp luật đại cương	2TC	
7	DHTL57	Tâm lý học kinh tế	3TC	
1.3. Ngoại ngữ (Tổ chức cho sinh viên tự học, xem phần tổ chức chương trình)				
		Tiếng Anh cơ bản (Course 1)		
		Tiếng Anh cơ bản (Course 2)		
		Tiếng Anh cơ bản (Course 3)		
		Tiếng Anh cơ bản (Course 4)		
		Tiếng Anh cơ bản (Course 4 plus)		
1.4. Tin học- Khoa học tự nhiên (8 tín chỉ chưa tính GD thể chất và GD quốc phòng)				
8	DHCT11	Logic học đại cương	2TC	
9	DHNT13	Tin học văn phòng	3TC	
10	DHNT12	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3TC	
11	DHGQ03 DHGQ04 DHGQ07	Giáo dục thể chất	3TC	
12	DHQG03	Giáo dục quốc phòng an ninh	8TC	
1.5. Các học phần tự chọn (4 tín chỉ - Sinh viên chọn 2 trong 4 học phần)				
13 14	DHTH21	Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc hiệu quả	2TC	
	DHTH42	Kỹ năng thuyết trình, đàm phán và ký kết hợp đồng	2TC	
	DHPR19	Kỹ năng lãnh đạo quản lý	2TC	
	DHPR20	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2TC	
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (92 tín chỉ)				
2.1. Kiến thức cơ sở của khối ngành (6 tín chỉ)				
15	DHKT02	Kinh tế vi mô	3TC	
16	DHKT03	Kinh tế vĩ mô	3TC	
2.2. Kiến thức ngành (45 tín chỉ)				
2.2.1. Kiến thức chung của ngành (27 tín chỉ)				
17	DHKT04	Kinh tế lượng	3TC	
18	DHTH10	Quản trị học	3TC	
19	DHPR03	Marketing căn bản	3TC	

20	DHKT05	Nguyên lý kế toán	3TC	
21	DHKT36	Kinh tế phát triển	3TC	
22	DHKT38	Kinh tế tài chính tiền tệ ngân hàng	3TC	
23	DHKT39	Kinh tế đầu tư I	3TC	
24	DHLK10	Luật kinh tế	3TC	
25	DHKT33	Giới trong Kinh tế và Quản trị	3TC	
2.2.2. Kiến thức chuyên sâu của ngành (18 tín chỉ)				
26	DHTH18	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	3TC	
27	DHKT40	Kinh tế quốc tế 1	3TC	
28	DHKT41	Thương mại điện tử	3TC	
29	DHPR12	Quản trị chuỗi cung ứng	3TC	
30	DHKT61	Kiến tập ngành		
31	DHNT26	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế 1	2TC	
32	DHNT27	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế 2	2TC	
2.3. Kiến thức chuyên sâu tự chọn (15 tín chỉ - SV chọn 1 trong 2 khối kiến thức)				
Khối kiến thức chuyên sâu về Kinh tế quốc tế (Chọn 5 trong 8 học phần)				
33 34 35 36 37	DHKT42	Kinh tế quốc tế II	3TC	
	DHKT43	Hội nhập kinh tế quốc tế	3TC	
	DHKT44	Nghiệp vụ ngoại thương	3TC	
	DHKT45	Thanh toán quốc tế	3TC	
	DHKT46	Đầu tư quốc tế	3TC	
	DHTH13	Kinh doanh quốc tế	3TC	
	DHKT47	Tài chính quốc tế	3TC	
	DHLQ08	Tư pháp quốc tế	3TC	
Khối kiến thức chuyên sâu về Kinh tế đầu tư (Chọn 5 trong 8 học phần)				
33 34 35 36 37	DHKT19	Quản trị dự án đầu tư	3TC	
	DHKT18	Phân tích và đầu tư chứng khoán	3TC	
	DHKT17	Đầu tư bất động sản	3TC	
	DHKT48	Kinh tế đầu tư II	3TC	
	DHKT49	Thị trường chứng khoán	3TC	
	DHKT21	Thị trường tài chính	3TC	
	DHKT50	Đấu thầu	3 TC	
	DHLD42	Luật đầu tư	3TC	
2.4. Kiến thức bổ trợ (14 tín chỉ)				
2.4.1. Bắt buộc (10 tín chỉ)				
38	DHKT51	Thống kê kinh tế	3TC	
39	DHKT52	Tài chính doanh nghiệp	3TC	
40	DHKT53	Phân tích đầu tư	2TC	
41	DHNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2TC	
2.4.2 Tự chọn (4 tín chỉ - chọn 2 trong 6 học phần)				
	DHKT54	Kinh tế lượng nâng cao	2TC	
	DHKT55	Phân tích chính sách kinh tế và xã hội	2TC	

42	DHKT59	Kinh tế môi trường	2TC	
43	DHKT60	Quản trị rủi ro	2TC	
	DHKT30	Hệ thống thông tin quản lý	2TC	
	DHNC09	Thực hiện đề tài khoa học sinh viên	2TC	
2.5. Thực tập nghề nghiệp và khóa luận tốt nghiệp (12 tín chỉ)				
44	DHTT01	Thực tập tốt nghiệp	6TC	
45	DHKL01	Khóa luận tốt nghiệp (bảo vệ khóa luận) hoặc học 3 học phần thay thế, chọn từ khối kiến thức bổ trợ, phần tự 2.4	6TC	
46				
47				

LIÊN H

8. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

NĂM THỨ NHẤT (HỌC KỲ 1-2)

HỌC KỲ 1			
TT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT
1	Kinh tế vi mô	3	Không
2	Quản trị học	3	Không
3	Tin học căn bản	3	Không
4	Tâm lý học kinh tế	3	Không
5	Học phần tự chọn 1	2	Không
6	Giáo dục thể chất (học phần 1)	1	Không
7	Giáo dục quốc phòng - an ninh	8	Không
Tổng		14 TC (chưa tính GD thể chất, Quốc phòng)	
HỌC KỲ 2			
TT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT
1	Triết học Mác – Lênin	3	Không
2	Logic đại cương	2	Không
3	Kinh tế vĩ mô	3	Không
4	Pháp luật đại cương	2	Không
5	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	Không
6	Học phần tự chọn 2	2	Không
7	Giáo dục thể chất (học phần 2)	1	Giáo dục thể chất (HP 1)
8	Marketing căn bản	3	Không
Tổng		18 TC (chưa tính GD thể chất)	

NĂM THỨ HAI (HỌC KỲ 3 - 4)

HỌC KỲ 3			
TT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT
1	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	Triết học Mác – Lênin
2	Kinh tế lượng	3	Không
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	Không
4	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	3	Quản trị học
5	Nguyên lý Kế toán	3	Không
6	Học phần bổ trợ - tự chọn 1	2	Không
7	Kinh tế phát triển	3	Không
8	Luật kinh tế	3	Không
9	Giáo dục thể chất (học phần 3)	1	Giáo dục thể chất (HP 2)
Tổng		21 TC (chưa tính GD thể chất)	
HỌC KỲ 4			
TT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin
2	Thống kê kinh tế	3	Không
3	Học phần bổ trợ - tự chọn 2	2	Không
4	Tài chính doanh nghiệp	3	Không
5	Kinh tế tài chính tiền tệ ngân hàng	3	Không
6	Giới trong Kinh tế và Quản trị	3	Không
7	Kiến tập ngành	2	Không
Tổng		18 TC	

NĂM THỨ BA (HỌC KỲ 5 - 6)

HỌC KỲ 5			
TT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT
	Tiếng Anh chuyên ngành kinh tế 1	2	Sinh viên phải đạt Toeic 370 trở lên
1	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2	Kinh tế quốc tế I	3	Không
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Triết học Mác – Lênin
4	Kinh tế đầu tư I	3	Không
5	Thương mại điện tử	3	Không
6	Kiến tập ngành	3	Quản trị học
Tổng		18 TC	
HỌC KỲ 6			
TT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT
1	Tiếng Anh chuyên ngành kinh tế 2	2	Tiếng Anh chuyên ngành 1
2	Phân tích đầu tư	2	Không
3	Học phần chuyên sâu 1	3	Theo khối học phần chuyên sâu
4	Học phần chuyên sâu 2	3	
5	Học phần chuyên sâu 3	3	
6	Học phần chuyên sâu 4	3	
7	Học phần chuyên sâu 5	3	
Tổng		19 TC	

NĂM THỨ TƯ (HỌC KỲ 7)

HỌC KỲ 7			
TT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT
1	Thực tập tốt nghiệp	6	Theo quy chế đào tạo
2	Khóa luận tốt nghiệp hoặc học 3 học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	6	Theo quy chế đào tạo
TỔNG		12 TC	

9. Hướng dẫn thực hiện

9.1 Khi triển khai kế hoạch đào tạo

Khi xây dựng kế hoạch đào tạo, cần cân đối giữa các khối kiến thức và lưu ý điều kiện tiên quyết của các học phần.

9.2. Về việc tổ chức đào tạo tiếng Anh cơ bản

Sinh viên nghiên cứu kỹ quy chế đào tạo và hướng dẫn tổ chức dạy tiếng Anh cơ bản cho sinh viên của Học viện Phụ nữ Việt Nam, đảm bảo đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ trước khi tốt nghiệp. Các yêu cầu cơ bản như sau:

- **Tuần đầu tiên của học kỳ 1 năm thứ nhất**, toàn bộ sinh viên năm thứ nhất (ngoại trừ những sinh viên có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế hợp lệ) **PHẢI** tham gia đánh giá đầu vào năng lực tiếng Anh để nhà trường xác định được trình độ tiếng Anh đầu vào và làm căn cứ xếp lớp học. Những sinh viên đạt yêu cầu về điểm thi hoặc có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế thì được miễn học tối đa 2 khóa học cơ bản và được xếp vào các lớp có trình độ tương đương.

- **Trên cơ sở kết quả đánh giá đầu vào**, sinh viên đăng ký học tiếng Anh cơ bản và nộp học phí tại Trung tâm CETCAW thuộc Học viện theo lịch giảng dạy của từng khóa học (course), đảm bảo không trùng với lịch học tập của các học phần trong chương trình đào tạo.

- **Kết thúc mỗi năm học**, trung tâm CETCAW sẽ gửi kết quả đánh giá hoàn thành các khóa học, bao gồm cả việc xác minh kết quả học tập tiếng Anh từ bên ngoài của sinh viên, tổng hợp theo mã số sinh viên về phòng Đào tạo để cập nhật vào hệ thống. Những sinh viên không tham gia đánh giá đầu vào năng lực tiếng Anh sẽ đăng ký học từ đầu (course 1) tại trung tâm CET-CAW; Những sinh viên không tham gia học tập tiếng Anh cơ bản tại trung tâm CETCAW thuộc Học viện **PHẢI** gửi minh chứng trình độ tiếng Anh theo số tín chỉ tích lũy về trung tâm CETCAW để kiểm tra, xác nhận chậm nhất vào tuần học thứ 15 kỳ 2 của mỗi năm học. Nếu không có minh chứng, sinh viên sẽ phải đăng ký học và thi tiếng Anh do CETCAW tổ chức.

- **Quá trình học tập và Kết quả học tập tiếng Anh** là căn cứ để xác định số lượng tín chỉ tối đa được đăng ký trong mỗi học kỳ của năm học tiếp theo, là cơ sở

để đánh giá kết quả học tập, rèn luyện và tốt nghiệp của sinh viên. Các sinh viên học tiếng Anh cơ bản tại Trung tâm CETCAW sẽ được cam kết cung cấp dịch vụ đào tạo có chất lượng, với chi phí học tập thấp do được hưởng chính sách hỗ trợ học phí từ Học viện.

- Sau khi hoàn thành 4 khóa học tiếng Anh cơ bản, sinh viên đăng ký thi chứng chỉ đầu ra tiếng Anh tại trung tâm CETCAW chậm nhất vào kỳ 2 của năm thứ tư. Khuyến khích các sinh viên đăng ký thi chứng chỉ quốc tế do trung tâm CETCAW phối hợp với đối tác tổ chức để đảm bảo các chứng chỉ có giá trị trong tuyển dụng, nộp hồ sơ đăng ký các bậc học cao hơn hoặc cho các mục đích cá nhân khác.



9.3. Về việc xây dựng nội dung chi tiết học phần

Các bộ môn khi xây dựng nội dung chi tiết môn học cần chú trọng những kiến thức phục vụ trực tiếp và thiết thực cho việc đào tạo; chú ý đến rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và khả năng tự học của sinh viên nhằm tăng cường ứng dụng nghề nghiệp; cân đối giữa lý thuyết và thực hành.

9.4. Về phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy hướng vào việc tăng cường tính tự giác, chủ động, tích cực và sáng tạo. Cụ thể:

- Sử dụng các hình thức thảo luận nhóm, bài tập tình huống, thực hành sắm vai, phát vấn...
- Rèn luyện cho sinh viên phương pháp tự học, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trình bày, kỹ năng hợp tác...

GIÁM ĐỐC 

PGS, TS. Trần Quang Tiến